

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ THI NGÀNH ĐỒ HỌA
NỘP HỒ SƠ DỰ THI QUA BƯU ĐIỆN**

	STT	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Mã trường lớp 10	Mã trường lớp 11	Mã trường lớp 12	Khu vực	Năm TN	Ngành dự thi	Nộp BD
Đồ họa	1	Nguyễn Ngọc Phúc	Nữ	26/05/03	Kinh	46029	46029	46058	KV3-NT	2021	7210104	Bưu điện
Đồ họa	2	Dương Nguyễn Tường Vi	Nữ	2/1/2003	Kinh	57014	57014	57014	KV1	2021	7210104	Bưu điện
Đồ họa	3	Bùi Ngọc Như Ý	Nữ	24/10/2003	Kinh	39011	39011	39011	KV2-NT	2021	7210104	Bưu điện
Đồ họa	4	Dương Thị Thu Hương	Nữ	23/05/2003	Kinh	48013	48013	48013	KV2-NT	2021	7210404	Bưu điện
Đồ họa	5	Trương Thị Trà Giang	Nữ	23/07/2003	Kinh	48056	48056	48056	KV2-NT	2021	7210404	Bưu điện
Đồ họa	6	Bùi Phương Nguyên	Nam	15/08/2003	Kinh	32025	32025	32025	KV2	2021	7210104	Bưu điện
Đồ họa	7	Trương Đình Minh Thư	Nữ	21/09/2003	Kinh	42008	42008	42008	KV1	2021	7210104	Bưu điện
Đồ họa	8	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	Nữ	1/10/2003	Kinh	42008	42008	42008	KV1	2021	7210404	Bưu điện
Đồ họa	9	Dương Quốc Anh Khoa	Nam	23/03/2003	Kinh	42004	42004	42004	KV1	2021	7210104	Bưu điện
Đồ họa	10	Trần Thị Hà Vi	Nữ	18/06/2002	Kinh	40059	63008	63008	KV1	2021	7210104	Bưu điện
Đồ họa	11	Hồ Nhã Thi	Nữ	13/12/2003	Kinh	55008	55008	55008	KV3	2021	7210104	Bưu điện
Đồ họa	12	Ngô Hòa Bảo	Nữ	18/11/2003	Kinh	37003	37003	37003	KV2	2021	7210104	Bưu điện
Đồ họa	13	Đỗ Hồng Phương	Nữ	18/05/2003	Kinh	01076	01076	43040	KV1	2021	7210104	Bưu điện
Đồ họa	14	Lộc Tịnh Tuyết Nhi	Nữ	12/5/2003	Kinh	42011	42011	42011	KV1	2021	7210104	Bưu điện
Đồ họa	15	Thảo H' Ly Linh	Nữ	3/1/2000	Kinh	38004	38004	38004	KV1	2021	7210104	Bưu điện
Đồ họa	16	Đỗ Hồng Phương	Nữ	18/05/2003	Kinh	01076	01076	43040	KV1	2021	7210104	Bưu điện
Đồ họa	17	Vũ Hoàng Châu Long	Nam	2/3/2003	Kinh	43007	43007	43007	KV1	2021	7210104	Bưu điện
Đồ họa	18	Trịnh Hương Giang	Nữ	10/4/2002	Kinh	02245	02245	02245	KV3	2020	7210104	Bưu điện
Đồ họa	19	Đỗ Hồng Phương	Nữ	18/05/2003	Kinh	01076	01076	43040	KV1	2021	7210104	Bưu điện
Đồ họa	20	Đỗ Ngọc Bảo Trân	Nam	21/01/2003	Kinh	48024	48024	48024	KV1	2021	7210104	Bưu điện
Đồ họa	22	Lộc Tịnh Tuyết Nhi	Nam	12/5/2003	Kinh	42011	42011	42011	KV1	2021	7210104	Bưu điện
Đồ họa	23	Nguyễn Chí Khanh	Nam	19/11/2003	Kinh	34035	34035	34035	KV1	2021	7210104	Bưu điện
Đồ họa	24	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	14/01/2001	Kinh	40002	40002	40002	KV1	2019	7210104	Bưu điện
Đồ họa	25	Đỗ Minh Quân	Nam	3/4/2003	Kinh	40019	40019	40019	KV1	2021	7210104	Bưu điện
Đồ họa	26	Phạm Thị Bích Ngọc	Nữ	17/09/2003	Kinh	03025	03025	03025	KV3	2021	7210104	Bưu điện